

Quyết định giám đốc thẩm

Số: 143/2020/DS-GĐT.

Ngày: 09/7/2020.

V/v: *Tranh chấp di sản thừa kế.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

ỦY BAN THẨM PHÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Hồng Phong

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hữu Trí;

Ông Tô Chánh Trung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Sỹ Nguyên – Thẩm tra viên.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Minh Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa giám đốc thẩm để xét xử vụ án dân sự “*Tranh chấp di sản thừa kế*” giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Cụ Huỳnh Thị K, sinh năm 1929 (chết năm 2010)

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ K:

1.1. Ông Lê Văn A (đã chết);

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông A:

- Ông Lê Hoàng P, sinh năm 1982;

- Ông Lê Hoàng V, sinh năm 1984;

- Ông Lê Hoàng T, sinh năm 1987.

Cùng địa chỉ: 5xx/x, ấp x, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

1.2. Ông Lê Văn B, sinh năm 1955;

Địa chỉ: 1xx/x, ấp H, xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre.

1.3. Bà Lê Thị E, sinh năm 1961

Địa chỉ: 1xxA3, ấp x, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

1.4. Bà Lê Thị Xuân I, sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

1.5. Ông Lê Văn X, sinh năm 1956

Địa chỉ: 1xx/x, ấp x, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

1.6. Bà Lê Thị E1, sinh năm 1964

Địa chỉ: 2xx/x, ấp x, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Kim C, sinh năm 1969;

Địa chỉ: 2xx/x, ấp x, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Trần Thị Như P, sinh năm 1965;

Địa chỉ: 1xx/x, ấp x, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3.2. Ông Lê Hoàng A, sinh năm 1986

Địa chỉ: 4xxD đường Đ, Phường x, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3.3. Ông Lê Phú C, sinh năm 1987

Địa chỉ: 2xx, ấp x, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3.4. Anh Lê Quý V, sinh năm 1998

3.5. Anh Lê Thanh X, sinh năm 2004;

Cùng địa chỉ: 2xx/x, ấp x, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3.6. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Quốc K, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn trình bày: Cụ Huỳnh Thị K có 07 người con gồm: ông Lê Văn A, ông Lê Văn B, ông Lê Văn X, bà Lê Thị E, bà Lê Thị E1, bà Lê Thị Xuân I và ông Lê Khổng H. Năm 2003, cụ K cùng các con trong gia đình lập tờ thuận phân đồng ý cho ông Lê Khổng H phần tài sản gồm các thửa đất số 152, 167, 168 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất với điều kiện vợ chồng ông H phải phụng dưỡng cụ K vào những năm già yếu. Vợ chồng ông H quản lý, sử dụng đến năm 2005 thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2005, ông H chết không để lại di chúc, toàn bộ tài sản nêu trên do bà Bùi Thị Kim C tiếp tục quản lý, sử dụng nhưng bà Bùi Thị Kim C không thực hiện tốt việc chăm sóc cụ K, trong những năm già yếu cụ K phải qua nhà cháu nội là ông Lê Phú C sinh sống. Năm 2009, cụ K đã thương lượng với bà Bùi Thị Kim C để được nhận phần di sản ông H để lại theo quy định của pháp luật nhưng bà Bùi Thị Kim C không đồng ý nên đã khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Năm 2010, cụ K chết, những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ K khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Kim C chia một kỷ phần thừa kế của ông H để lại gồm: diện tích các thửa đất 152, 168 tờ bản đồ số 8 tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất cho nguyên đơn. Riêng ông X yêu cầu chia phần di sản là thửa đất số 167, tờ bản đồ số 8.

Bị đơn là bà Bùi Thị Kim C trình bày: Nguồn gốc phần di sản ông Lê Khổng H để lại là tài sản chung của vợ chồng bà. Năm 2003, cụ K và các anh em của ông H đã lập tờ thuận phân đồng ý cho ông H phần tài sản gồm các thửa đất số 152, 167, 168 tờ bản đồ số 8 như nguyên đơn trình bày. Quá trình sử dụng đất, bà đã canh tác ổn định, bỏ nhiều công sức cải tạo đất. Bà đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật tài sản của chồng bà để lại như trình bày của nguyên đơn, không đồng ý

theo yêu cầu chia thừa kế của ông X. Phần công sức cải tạo, gìn giữ đất bà yêu cầu tính bằng một kỷ phần thừa kế. Đối với căn nhà trên thửa 168a, diện tích 281m² thuộc một phần thửa 168, năm 2005, ông X đã ký với vợ chồng bà là ở nhờ trên đất, bà yêu cầu di dời nhà trả lại đất cho bà, đồng thời bà đồng ý hỗ trợ phần di dời nhà.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Lê Hoàng A, ông Lê Phú C, bà Trần Thị Như P trình bày: Đồng ý về nguồn gốc diện tích đất yêu cầu chia thừa kế như trình bày của các bên đương sự. Sau khi ông H mất, cụ K không được bà Bùi Thị Kim C chăm sóc như đã hứa mà về nhà ông Lê Phú C sinh sống cho đến ngày mất. Ý chí của cụ K là khi nhận phần di sản được chia sẽ để lại cho cháu nội là ông C. Ngày 03/6/2009, cụ K lập di chúc để lại toàn bộ phần di sản bà được hưởng cho ông C. Đối với căn nhà trên thửa đất 168a là do cụ K xây dựng từ năm 1996, gia đình ông C đã ở trên căn nhà này từ khi cụ K còn sống, bà Bùi Thị Kim C yêu cầu di dời nhà thì gia đình ông C không đồng ý, đề nghị công nhận di chúc cụ K lập ngày 03/6/2009, công nhận diện tích đất thuộc thửa 168a cho gia đình ông C quản lý, sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 28/5/2018, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Lê Khổng H để lại.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Kim C về việc yêu cầu tính phần công sức đóng góp là một kỷ phần thừa kế.

Chấp nhận yêu cầu độc lập của ông Lê Phú C về việc công nhận di chúc ngày 03/6/2009 của cụ Huỳnh Thị K có hiệu lực pháp luật.

Buộc bà Bùi Thị Kim C phải giao phần di sản của cụ Huỳnh Thị K được hưởng cho ông Lê Phú C theo di chúc lập ngày 03/6/2009, cụ thể: Giá trị tài sản hai thửa đất 167, 152 số tiền là 273.668.000 đồng, sau khi trừ đi số tiền 66.360.000 đồng, ông C được nhận 207.308.000 đồng.

Phần đất tại thửa 168 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre ông Lê Phú C được nhận nhận đất tại thửa 168a, diện tích 281m² (có hòa đồ kèm theo).

Bà Bùi Thị Kim C, ông Lê Quý V, ông Lê Thanh X được toàn quyền sử dụng phần đất tại các thửa 152, 167 và một phần thửa 168 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về chi phí thu thập chứng cứ, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 08/6/2018, bị đơn là bà Bùi Thị Kim C và ông Trần Minh T là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của nguyên đơn (P, V, T, B, E, I) có kháng cáo.

Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 265a/2018/DS-PT ngày 09/10/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre quyết định:

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Bùi Thị Kim C, không chấp nhận kháng cáo của ông Tần Minh T (là người đại diện theo ủy quyền của các ông (bà): Lê Xuân P, Lê Hoàng V, Lê Hoàng T, Lê Văn B, Lê Thị E và Lê Thị Xuân I.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2018/DS-ST ngày 28/5/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ Huỳnh Thị K về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Lê Khổng H để lại.

Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Phú C về việc công nhận di chúc ngày 03/6/2009 của cụ Huỳnh Thị K có hiệu lực.

Buộc bà Bùi Thị Kim C phải giao phần di sản của cụ Huỳnh Thị K được hưởng cho ông Lê Phú C theo di chúc lập ngày 03/6/2009 cụ thể như sau:

Giá trị tài sản của các thửa đất số 152, 167, 168 số tiền là 496.732.000 đồng; giá trị căn nhà trên thửa đất 168a là 31.742.000 đồng.

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Kim C. Bà Bùi Thị Kim C, anh Lê Quý V, Lê Thanh X được toàn quyền sử dụng phần đất thuộc thửa 152, 167, 168 tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre và toàn bộ tài sản trên đất.

Buộc ông Lê Văn X, bà Trần Thị Như P, ông Lê Hoàng A, ông Lê Phú C phải giao phần đất diện tích 281m² và nhà thuộc thửa 168a tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre cho bà Bùi Thị Kim C, anh Lê Quý V, Lê Thanh X (có họa đồ kèm theo).

Ông Lê Phú C, ông Lê Văn X, bà Trần Thị Như P và ông Lê Hoàng A được quyền lưu cư trong vòng 06 tháng tính từ ngày tuyên án.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bà Bùi Thị Kim C về việc yêu cầu tính phần công sức đóng góp là một kỷ phần thừa kế.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn X là một trong những người thừa kế quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn của cụ Huỳnh Thị K về việc yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho bà Bùi Thị Kim C đối với các thửa đất 152, 167, 168 tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ngoài ra, Tòa án cấp phúc thẩm còn quyết định về án phí.

Ngày 22/12/2018, ông Lê Phú C có đơn đề nghị xem xét bản án dân sự phúc thẩm nêu trên theo thủ tục giám đốc thẩm.

Tại Quyết định số 61/2020/KN-DS ngày 20/4/2020, Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh kháng nghị bản án phúc thẩm nêu trên. Đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử giám đốc thẩm

theo hướng hủy toàn bộ bản án dân sự sơ phúc thẩm nêu trên; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm để xét xử phúc thẩm lại.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn là cụ bà Huỳnh Thị K (chết năm 2010) và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ K khởi kiện yêu cầu chia thừa kế một phần di sản của ông Lê Khổng H bao gồm: diện tích đo đạc thực tế 200m² thuộc thửa 167; 1.025,9m² thuộc thửa 168 và 2.915,6m² thuộc thửa 152, tờ bản đồ số 08 và các tài sản trên đất, tọa lạc tại ấp 3, xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Bùi Thị Kim C ngày 07/12/2005. Bị đơn là bà Bùi Thị Kim C thừa nhận phần tài sản nêu trên là di sản của ông Lê Khổng H để lại và đồng ý chia di sản thừa kế theo pháp luật, đồng thời xem xét phần công sức gìn giữ tài cho bà Bùi Thị Kim C thêm một kỷ phần thừa kế.

[2] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của các bên đương sự có cơ sở xác định, phần tài sản nêu trên có nguồn gốc là của cụ K cho ông Lê Khổng H vào năm 2003. Năm 2005, ông H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Trong năm 2005, ông H chết không để lại di chúc, hàng thừa kế thứ nhất của ông H gồm có: cụ Huỳnh Thị K, bà Bùi Thị Kim C và 02 con chung của bà C và ông H là anh Lê Quý V và Lê Thanh X. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm và Tòa án cấp phúc thẩm xác định tài sản nêu trên là di sản của ông H để lại và chia thừa kế theo pháp luật, đồng thời có xem xét đến phần công sức gìn giữ, quản lý tài sản của bà C nên chia thành 05 kỷ phần thừa kế, theo đó bà C và 02 con nhận 04 kỷ phần, cụ K nhận 01 kỷ phần thừa kế là có căn cứ.

[3] Ngày 03/6/2009, cụ K lập di chúc để lại toàn bộ phần tài sản mà cụ được hưởng cho cháu nội là ông Lê Phú C (con của ông Lê Văn X). Di chúc do cụ K lập là phù hợp theo quy định của pháp luật. Năm 2010, cụ K chết, ông C là người thừa kế theo di chúc của cụ K nên ông C được hưởng một kỷ phần thừa kế đối với di sản của ông H để lại cho cụ K. Khi xét xử, Tòa án đã xem xét đến nhu cầu quản lý, sử dụng ổn định đất của các bên đương sự nên chia bằng giá trị quyền sử dụng đất là phù hợp. Tuy nhiên, phần diện tích 281m² đất và căn nhà trên đất thuộc thửa 168a (nằm trong thửa 168) tờ bản đồ số 8 do gia đình ông Lê Phú C đang quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1996 cho đến nay nên Tòa án cấp sơ thẩm giao cho ông C được nhận phần tài sản này bằng hiện vật là có căn cứ. Còn Tòa án cấp phúc thẩm cho rằng diện tích đất giao cho ông C nêu trên không đủ diện tích đất tối thiểu tách thửa tại địa phương (300m²), từ đó giao toàn bộ căn nhà và đất cho bà C quản lý, sử dụng; đồng thời buộc bà C hoàn trả lại giá trị tài sản cho ông C là không đảm bảo được nhu cầu về chỗ ở cho gia đình ông C.

[4] Quá trình xem xét giải quyết đơn đề nghị của ông C, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã có công văn yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre cung cấp thông tin về điều kiện tách thửa đất tại địa phương.

Tại Công văn phúc đáp số 199/UBND-TNMT ngày 17/01/2020, Ủy ban nhân dân thành phố Bến Tre xác định: *"Nếu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh thấy cần thiết phải tách thửa để giao cho ông Lê Phú C diện tích 281m² có nhà trên đất thuộc thửa 168a tờ bản đồ số 08 tọa lạc tại ấp 3, xã S, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre là phù hợp để giải quyết vụ án thì được phép tách thửa và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định"*. Do đó, kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ để chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 337, khoản 3 Điều 343, Điều 345 và Điều 349 Bộ Luật tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận Kháng nghị số 61/2020/KN-DS ngày 20/4/2020 của Chánh án Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hủy toàn bộ Bản án dân sự phúc thẩm số 265a/2018/DS-PT ngày 09/10/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre về vụ án *"Tranh chấp di sản thừa kế"* giữa nguyên đơn là cụ bà Huỳnh Thị K (đã chết), người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của cụ K là ông Lê Văn A (đã chết), ông Lê Văn B, bà Lê Thị E, bà Lê Thị Xuân I, ông Lê Văn X, bà Lê Thị E1 với bị đơn là bà Bùi Thị Kim C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Như P, ông Lê Hoàng A, ông Lê Phú C, anh Lê Quý V, anh Lê Thanh X và Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Bến Tre; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

3. Quyết định giám đốc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:

- Chánh án TANDCC tại Tp.HCM (để b/c);
- Vụ pháp chế và quản lý khoa học TANDTC;
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh Bến Tre (kèm hs);
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu Phòng HCTP-VP, HS; THS (LSN).

TM. ỦY BAN THẨM PHÁN
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phạm Hồng Phong